

Bản án số: 06/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 14/02/2025

“Yêu cầu không công nhận là vợ chồng”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BUÔN HỒ, TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Kim Chung

Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Ngọc Khánh, bà Nguyễn Thị Quỳnh Hải.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Xiêm – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Thu Hà – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 02 năm 2025 tại Phòng xử án - Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 184/2024/TLST-HNGĐ, ngày 09 tháng 10 năm 2024, về việc kiện “Yêu cầu không công nhận là vợ chồng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 03 tháng 01 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2025/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 01 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Hoàng Thị O, sinh năm 1977 (Có mặt)

Địa chỉ: Thôn G, xã E, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk

Bị đơn: Ông Trần Văn T, sinh năm 1972 (Có mặt)

Địa chỉ: Thôn G, xã E, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình làm việc nguyên đơn bà Hoàng Thị O trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Hoàng Thị O và ông Trần Văn T tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương và chung sống với nhau như vợ chồng tại xã E, huyện K (Nay là thị xã B), tỉnh Đắk Lắk từ tháng 11/1996, nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc nhưng từ tháng 01 năm 2010 đến nay vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, thường

xuyên cãi nhau vì nguyên có nhỏ nhất, vợ chồng không có tiếng nói chung trong cuộc sống, không ai chịu nhường ai nên vợ chồng đã sống ly thân và không thể hàn gắn được tình cảm, nên bà Hoàng Thị O yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ giữa bà và ông Trần Văn T là vợ chồng.

Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng có 02 người con chung là anh Trần Văn H, sinh ngày 09/10/1997 và chị Trần Thị Thu T1, sinh ngày 29/3/2002. Do các con đã đủ tuổi thành niên nên tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Trần Văn T trình bày: Ông T hoàn toàn nhất trí và đồng ý với lời trình bày của nguyên đơn về quan hệ hôn nhân, về con chung, tài sản chung và yêu cầu Tòa án không công nhận ông T với bà O là vợ chồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Buôn Hồ phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến tại phiên tòa theo các quy định của pháp luật Tố tụng dân sự;

Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Tại phiên tòa các bên đương sự vẫn giữ nguyên quan điểm của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về khởi kiện và thụ lý vụ án:* Ngày 03-10-2024 nguyên đơn nộp đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ kèm theo; Ngày 07-10-2024 Tòa án thông báo nộp tạm ứng án phí, cùng ngày nguyên đơn nộp tạm ứng án phí. Tòa án thụ lý vụ án theo quy định tại Điều 191 và Điều 195 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp:* Đây là quan hệ pháp luật “*Không công nhận quan hệ vợ chồng*” theo quy định tại khoản 8 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự và tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] *Về yêu cầu của đương sự:*

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Hoàng Thị O và ông Trần Văn T chung sống với nhau như vợ chồng, nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc nhưng từ tháng 01 năm 2010 đến nay vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau vì nguyên có nhỏ nhất, vợ chồng không có tiếng nói chung trong cuộc sống, không ai chịu nhường ai nên vợ chồng đã sống ly thân và không thể hàn gắn được tình cảm.

[3.2] Tại biên bản xác minh tình trạng hôn nhân của bà Hoàng Thị O và ông Trần Văn T tại nơi hai người cư trú ngày 20/12/2024 thể hiện: Bà O, ông T trước đây có chung sống với nhau, khoảng năm 2014 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nên bà O đi nơi khác làm ăn sinh sống và vợ chồng đã ly thân khoảng 10 năm nay.

Do vậy, đây không phải là hôn nhân hợp pháp, nên không giải quyết cho ông bà theo thủ tục ly hôn mà cần tuyên bố không công nhận bà Hoàng Thị O và ông Trần Văn T là vợ chồng, phù hợp Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 và điểm b mục 3 Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội.

[4] Về con chung: Bà O và ông T có 02 người con chung là anh Trần Văn H, sinh ngày 09/10/1997 và chị Trần Thị Thu T1, sinh ngày 29/3/2002. Do các con chung đã trưởng thành và phát triển bình thường bà O, ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đề cập.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí dân sự: Bà Hoàng Thị O phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào: Khoản 8 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 và điểm b mục 3 Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ giữa bà Hoàng Thị O và ông Trần Văn T là vợ chồng.

2. Về tài sản chung và công nợ chung: Không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về án phí: Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/QH13 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Bà Hoàng Thị O phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà bà Hoàng Thị O đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã B theo biên lai số AA/2023/0001725, ngày 07 tháng 10 năm 2024. Ông Trần Văn T không phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn bà Hoàng Thị O, bị đơn ông Trần Văn T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk
- VKSND thị xã Buôn Hồ;
- Chi cục THADS thị xã B;
- UBND xã E;
- Các đương sự;
- Lưu vp, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trương Kim Chung